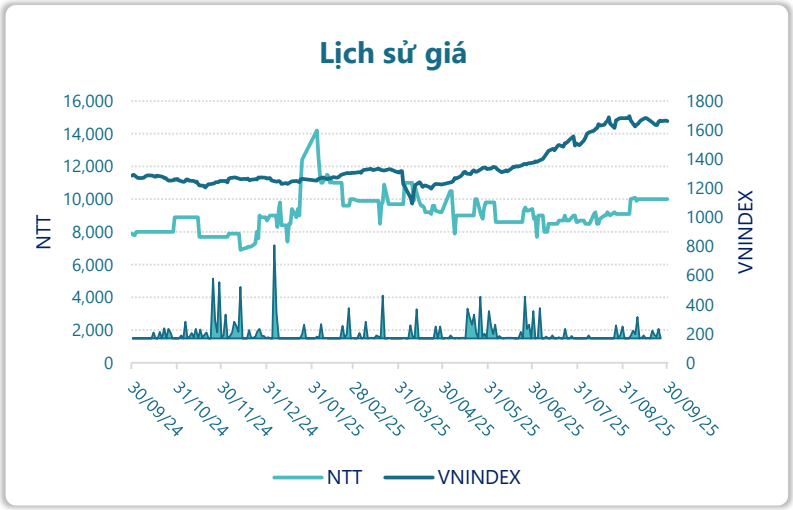
FireAnt

CTCP Dệt - May Nha Trang (UPCOM: NTT)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,900
SL cổ phiếu LH	23,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	320
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	235
P/E	6.5
EPS	1,536

DT thuần

Q3/25

340

tỷ VNĐ

QoQ: ▼78.0| -18.7%

YoY: ▲ 55.0| 19.3%

LN sau thuế

Q3/25

4.85

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.25| -56.3%

YoY: ▲ 0.30| 6.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.9%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

9T 2025

1,154

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 307| 36.2%

LN sau thuế

9T 2025

33.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.40| 11.3%

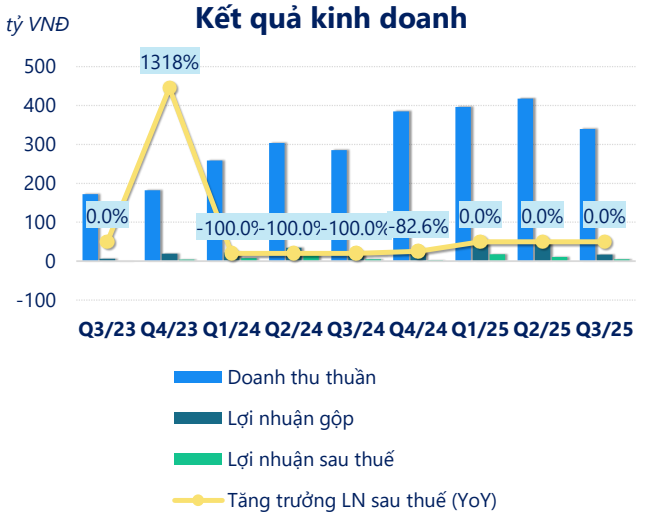
ROE

Q3/25

17.6%

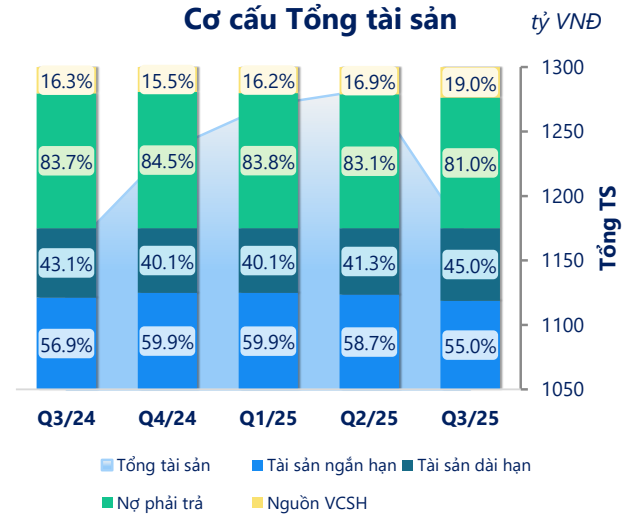
+/- YoY: ▼ 2.3%

Kết quả kinh doanh



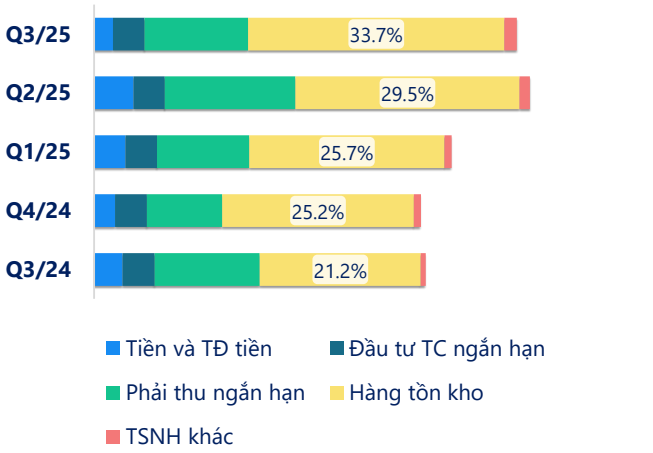
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



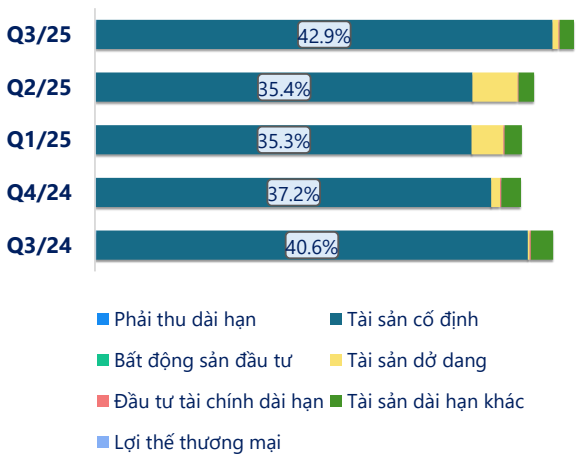
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



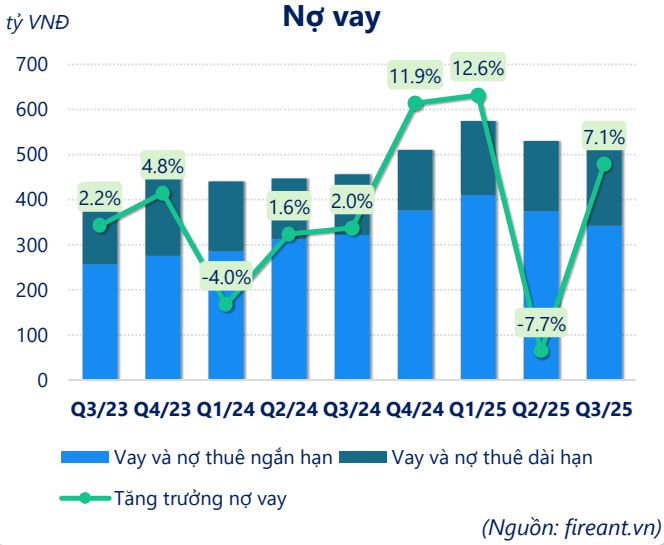
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



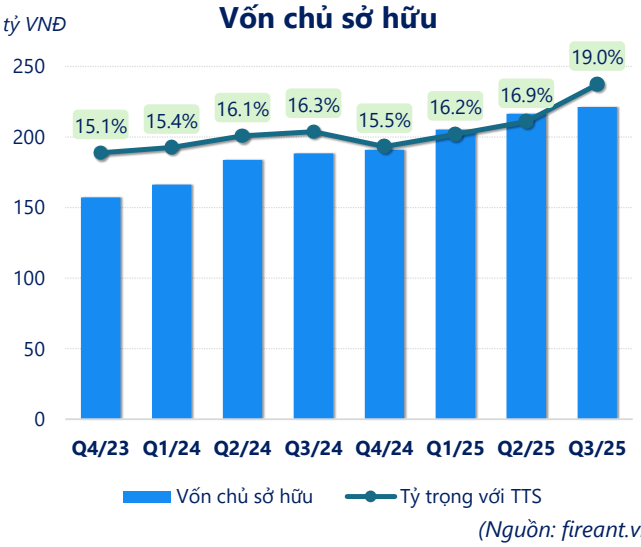
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



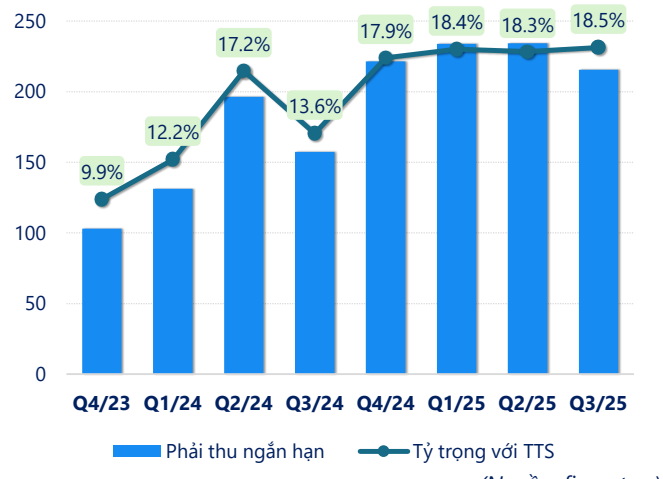
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



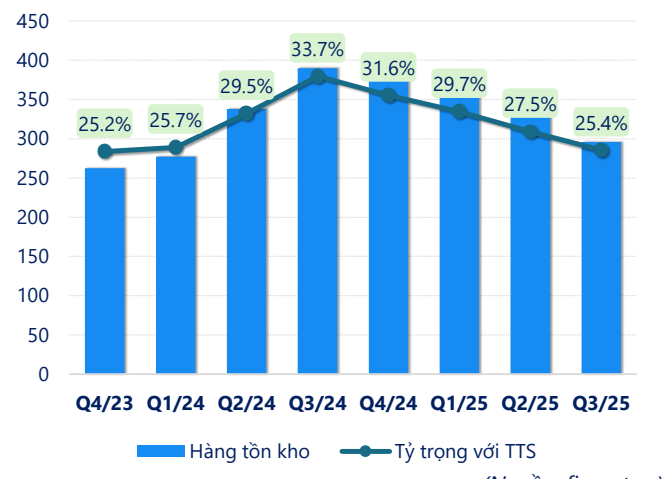
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



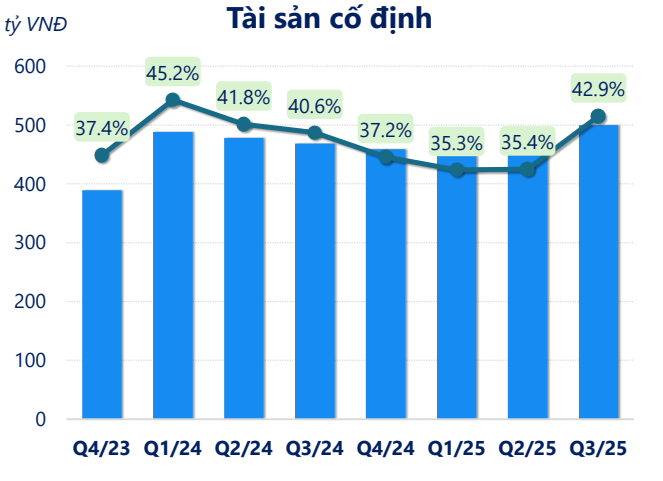
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



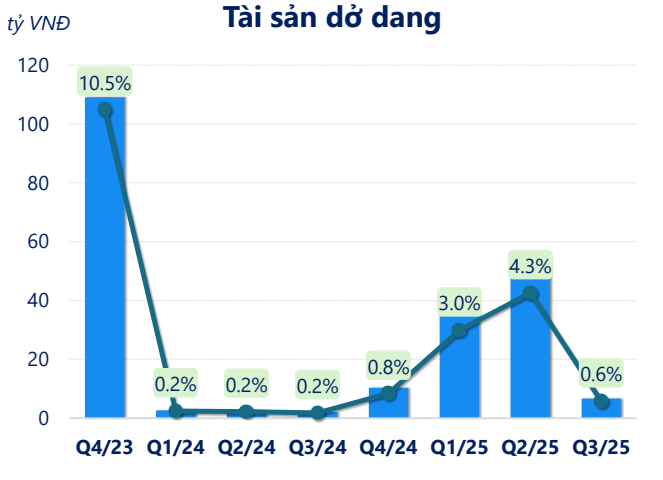
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



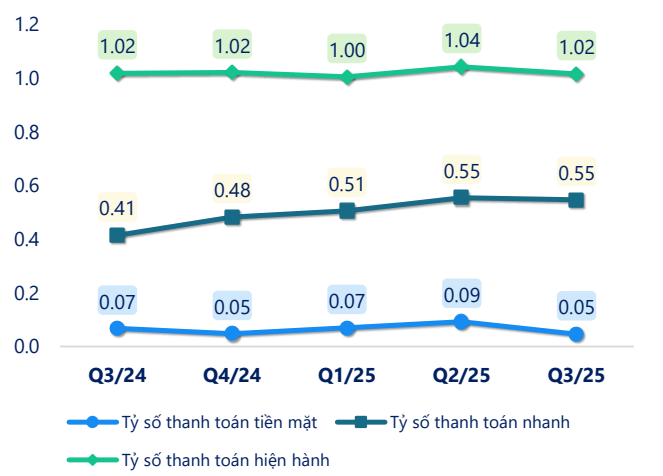
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



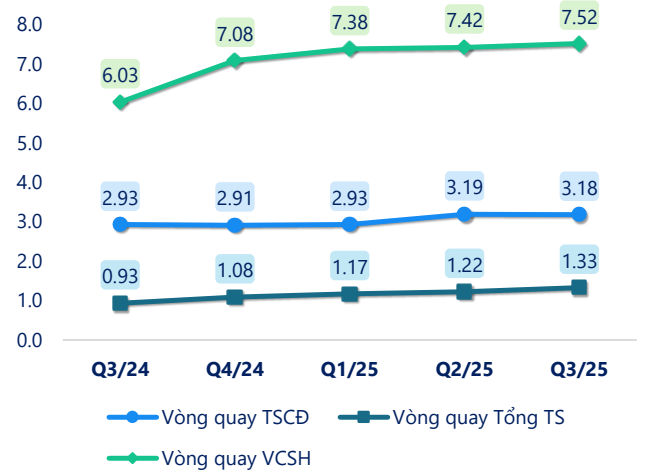
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,155**	**1,235**	**1,271**	**1,283**	**1,165**
Tài sản ngắn hạn	**657**	**740**	**761**	**753**	**641**
Tiền và tương đương tiền	43.3	34.2	52.7	66.8	28.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.1	67.6	62.3	57.3	52.1
Phải thu ngắn hạn	157	221	234	234	216
Hàng tồn kho	390	390	378	353	296
Tài sản ngắn hạn khác	18.6	27.0	33.9	42.3	48.1
Tài sản dài hạn	**498**	**495**	**510**	**529**	**525**
Phải thu dài hạn	1.36	1.36	1.36	1.36	1.36
Tài sản cố định	469	459	449	454	500
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.09	10.4	38.0	54.6	6.73
Đầu tư tài chính dài hạn	1.22	1.22	1.22	1.22	1.22
Tài sản dài hạn khác	24.4	23.1	20.8	18.4	15.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**966**	**1,044**	**1,065**	**1,066**	**944**
Nợ ngắn hạn	**645**	**725**	**757**	**723**	**631**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	321	376	410	374	342
Phải trả người bán ngắn hạn	253	293	306	280	202
Nợ dài hạn	321	319	309	344	314
Vay và nợ thuê dài hạn	135	134	164	156	227
Nguồn vốn chủ sở hữu	**188**	**191**	**205**	**216**	**221**
Vốn chủ sở hữu	**188**	**191**	**205**	**216**	**221**
Vốn điều lệ	235	235	235	235	235
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)